

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 24/9/ 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Kim Thanh

Ông Nguyễn Quang Hiến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 20, 21, 23, 24 /9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D; địa chỉ: 11 đường số 1, khu A, Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A, Phó giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng, SME, VPBank Hội sở. (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2018).

Ủy quyền lại cho ông TA; địa chỉ: Đội 1, thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. (Cán bộ xử lý nợ). Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019). “Có mặt”.

- Bị đơn:

Anh T, sinh năm 1978; đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Khu Tập thể đầu máy Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Giấy Đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 19/10/2016 của anh T có nội dung: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Lê Hồng Phong, địa chỉ: 41 Lê Hồng Phong, Ba Đình, Hà Nội (sau đây gọi là Ngân hàng) cho anh Phạm Đức Thanh (sau đây gọi là bên vay) vay 85.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 28%/năm, lãi chậm trả 150%, khoản vay không có tài sản bảo đảm, mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Tính đến ngày xét xử (24/9/2019) bên vay còn phải trả Ngân hàng là: 85.266.185 đồng (trong đó nợ gốc: 59.360.037đ; nợ lãi: 25.906.148đ).

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận cho đến ngày bên vay thực tế thanh toán hết nợ gốc.

Tại phiên tòa Ngân hàng xin rút phần phạt chậm trả là 6.059.053đ

Bị đơn:

Anh T không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành; về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tính lại theo hướng các khoản tiền mà bên vay đã trả cho Ngân hàng được trừ vào gốc khi bên vay thanh toán ở giai đoạn quá hạn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc rút yêu cầu phạt chậm trả, về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Yên Viên, Gia Lâm, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa lần hai bị đơn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo Giấy Đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 19/10/2016 của anh T có nội dung: Ngân hàng cho anh T vay 85.000.000 đồng, tính đến ngày 24/9/2019 theo cách tính của Ngân hàng thì anh T còn nợ là 85.266.185đ (trong đó nợ gốc 59.360.037đ, lãi là 25.906.148đ). Sau khi xem xét bảng kê của Ngân hàng thì bên vay đã thanh toán cho Ngân hàng gốc: 25.639.963đ, lãi là 26.540.840đ. Các khoản khác gồm phạt là 2.991.033đ, lãi 14.899.067đ, hai khoản này trả vào thời điểm quá hạn nên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng sẽ được trừ vào gốc trước và tận thu lãi khi khách hàng có tiền. Sau khi tính lại gốc còn lại 41.469.878đ, lãi còn phải trả là (lãi quá hạn 24.237.544đ, lãi trong hạn 11.555.139đ) tổng cộng là: 77.262.561đ là có căn cứ. Do đó, bên vay chỉ phải trả cho Ngân hàng 77.262.561đ. Số tiền của Ngân hàng không được chấp nhận là 8.003.624đ (85.266.185đ - 77.262.561đ).

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu về việc tiếp tục tính lãi suất quá hạn trên số nợ gốc; xét các bên đã có thỏa thuận này trong hợp đồng và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận là có căn cứ.

Tại phiên tòa Ngân hàng xin rút phần phạt chậm trả là 6.059.053đ, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này.

[3]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự đối với số tiền không được chấp nhận là 8.003.624đ đối trừ với số tiền nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các điều 122, 124, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 3 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng.

1. Buộc anh Tphải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2019 là: 77.262.561đ (trong đó nợ gốc 41.469.878, lãi quá hạn 24.237.544đ, lãi trong hạn 11.555.139đ).

2. Kể từ ngày 25/9/2019 anh Tphải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền phạt chậm trả là 6.059.053đ.

4. Về án phí: Anh Phạm Đức Thanh phải chịu 3.863.128đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu 400.181đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 1.768.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004392 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 1.367.819đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang